

Công ty Cổ phần Licogi 16

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 48

Công ty Cổ phần Licogi 16

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	
Ông Budiman Satrio Sudono	Thành viên	
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Vũ Công Hưng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Văn Công	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Đình Tuấn	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Bà Vũ Thị Thu Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Nam Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Tăng Quốc Thuộc	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xây dựng	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016
Ông Phí Ngọc Anh	Giám đốc Kinh Tế Kế Hoạch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016
Ông Hoàng Minh Khai	Giám đốc Xây dựng	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Bà Cao Thị Mai Lê	Giám đốc Bất động sản Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Dương Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 16

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Dương Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60992762/18590403/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.581.494.710.071	1.475.441.588.593
110	I. Tiền	4	53.906.433.730	22.840.421.001
111	1. Tiền		53.906.433.730	22.840.421.001
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.112.714.797.412	1.057.379.042.800
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	728.047.952.002	670.982.547.899
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	227.936.353.181	184.974.754.525
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4.458.917.302	4.944.279.412
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	181.212.229.510	228.129.891.903
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(28.940.654.583)	(31.652.430.939)
140	III. Hàng tồn kho	9	377.340.457.084	355.206.691.776
141	1. Hàng tồn kho		377.340.457.084	355.206.691.776
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		37.533.021.845	40.015.433.016
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	9.617.545.173	11.231.352.345
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		27.915.476.672	28.784.080.671
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		788.434.853.865	787.064.204.247
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		100.867.989.843	118.826.373.586
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	100.865.989.843	118.824.373.586
216	2. Phải thu dài hạn khác		2.000.000	2.000.000
220	II. Tài sản cố định		103.413.465.926	93.847.592.703
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	97.923.919.487	86.785.280.922
222	Nguyên giá		134.582.434.413	410.336.328.740
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(36.658.514.926)	(323.551.047.818)
227	2. Tài sản vô hình	12	5.489.546.439	7.062.311.781
228	Nguyên giá		9.665.060.000	10.637.060.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.175.513.561)	(3.574.748.219)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		72.599.051.281	73.893.674.104
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	72.599.051.281	73.893.674.104
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		504.753.154.046	490.572.493.896
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14	504.753.154.046	490.572.493.896
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.801.192.769	9.924.069.958
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.371.192.769	2.884.069.958
269	2. Lợi thế thương mại	15	5.430.000.000	7.040.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.369.929.563.936	2.262.505.792.840

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.363.804.742.885	1.281.478.696.255
310	I. Nợ ngắn hạn		1.260.367.601.158	1.226.179.218.847
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	303.722.666.346	336.214.972.876
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	266.520.028.776	243.667.501.874
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	7.877.026.002	8.166.097.614
314	4. Phải trả người lao động		4.179.212.751	3.795.668.870
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	144.910.415.899	106.109.656.754
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	78.487.747.931	79.570.132.079
320	7. Vay ngắn hạn	21	439.429.545.297	430.157.438.958
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.240.958.156	18.497.749.822
330	II. Nợ dài hạn		103.437.141.727	55.299.477.408
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		60.111.871.478	43.055.984.578
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	65.443.351	65.443.351
338	3. Vay dài hạn	21	40.968.999.648	9.887.222.229
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		2.290.827.250	2.290.827.250
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.006.124.821.051	981.027.096.585
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.006.124.821.051	981.027.096.585
411	1. Vốn cổ phần	22.1	762.499.560.000	762.499.560.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		762.499.560.000	762.499.560.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	93.686.613.494	93.686.613.494
415	3. Cổ phiếu quỹ	22.1	(3.390.000)	(3.390.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	21.829.027.344	1.731.302.878
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế) đến cuối kỳ trước		1.731.302.878	(13.338.865.132)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		20.097.724.466	15.070.168.010
429	6. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát		8.908.707.850	3.908.707.850
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.369.929.563.936	2.262.505.792.840



Nguyễn Văn Việt
Người lập



Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng




Bùi Dương Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

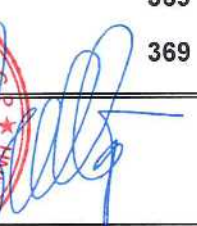
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	336.054.959.593	632.105.245.321
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(316.413.889.958)	(549.444.994.230)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.641.069.635	82.660.251.091
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	5.038.253.971	2.779.462.235
22	5. Chi phí tài chính	25	(18.834.751.034)	(18.994.682.794)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(17.228.062.633)	(18.994.682.794)
24	6. Phần lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết		840.660.150	(12.668.635.910)
25	7. Chi phí bán hàng	26	(1.488.871.363)	(9.121.989.570)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(14.384.684.990)	(15.182.560.692)
30	9. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.188.323.631)	29.471.844.360
31	10. Thu nhập khác	27	31.738.269.272	3.538.435.450
32	11. Chi phí khác	27	(2.543.887.842)	(5.183.190.323)
40	12. Lợi nhuận (lỗ) khác	27	29.194.381.430	(1.644.754.873)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.006.057.799	27.827.089.487
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	-	-
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	406.821.336
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		20.006.057.799	28.233.910.823
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		20.006.057.799	28.141.402.463
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	92.508.360
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.4	262	369
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.4	262	369


Nguyễn Văn Việt
Người lập


Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng



Bùi Dương Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		20.006.057.799	27.827.089.487
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12, 15	9.797.000.288	15.177.039.020
03	Hoàn nhập dự phòng		(2.711.776.356)	(3.121.584.864)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(32.721.506.129)	8.968.483.152
06	Chi phí lãi vay	25	17.228.062.633	18.994.682.794
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.597.838.235	67.845.709.589
09	Tăng các khoản phải thu		(98.343.851.880)	(196.809.734.019)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(22.133.765.308)	28.743.022.348
11	Tăng các khoản phải trả		60.282.890.217	113.273.378.859
12	Giảm chi phí trả trước		3.126.684.361	8.205.121.097
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.330.746.641)	(19.365.442.568)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.256.791.666)	(1.764.724.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(66.057.742.682)	127.331.306
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(46.644.755.672)	(27.326.102.742)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		36.576.331.149	5.962.345.455
23	Tiền chi cho vay		-	(21.236.394.712)
24	Tiền thu hồi cho vay		14.000.000.000	15.136.394.712
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(14.390.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.450.000.000	1.725.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức được chia		61.778.296.176	3.053.819.359
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		56.769.871.653	(22.684.937.928)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		363.494.329.321	460.843.589.941
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(323.140.445.563)	(439.968.098.580)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40.353.883.758	20.875.491.361

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		31.066.012.729	(1.682.115.261)
60	Tiền đầu kỳ		22.840.421.001	30.548.646.081
70	Tiền cuối kỳ	4	53.906.433.730	28.866.530.820



Nguyễn Văn Việt
Người lập



Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng




Bùi Dương Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 238 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 230).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 2 công ty con sau:

Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Điền Phước ("Điền Phước"), trong đó Công ty nắm giữ 95% vốn chủ sở hữu, là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102022453 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Điền Phước có trụ sở đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Điền Phước là đầu tư và phát triển khu dân cư.

Công ty TNHH Siêu Thành ("Siêu Thành"), trong đó Công ty nắm giữ 90% vốn chủ sở hữu, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102061411 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 5 năm 2008 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Siêu Thành có trụ sở đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Siêu Thành là kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Bất động sản tồn kho

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------|---|--|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 11 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 4 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không khấu hao lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.9 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn/Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng và chuyển giao đất cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu tạo ra từ hoạt động bất động sản và cung cấp dịch vụ xây dựng. Nhóm Công ty hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	436.175.587	115.682.263
Tiền gửi ngân hàng	53.470.258.143	22.724.738.738
TỔNG CỘNG	53.906.433.730	22.840.421.001

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ khách hàng	588.094.957.224	566.836.198.727
- Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	232.169.782.513	268.764.795.861
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	72.555.608.979	-
- Bệnh viện II Lâm Đồng	38.924.469.546	40.216.137.319
- Ban QLDA Các công trình Điện Miền Nam	38.346.613.403	68.248.771.011
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	24.396.803.602	-
- Các khách hàng khác	181.701.679.181	189.606.494.536
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	139.952.994.778	104.146.349.172
TỔNG CỘNG	728.047.952.002	670.982.547.899
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(28.940.654.583)	(31.652.430.939)
GIÁ TRỊ THUẦN	699.107.297.419	639.330.116.960

Các khoản phải thu liên quan đến công trình Formosa đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	31.652.430.939	39.654.578.149
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	788.223.644	1.878.415.136
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.500.000.000)	(5.000.000.000)
Số cuối kỳ	28.940.654.583	36.532.993.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho người bán	126.973.387.974	97.434.008.387
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đắc Đạo	27.337.657.307	28.931.101.035
- Công ty TNHH Speco	20.311.200.000	-
- Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	16.147.880.000	16.147.880.000
- Các nhà cung cấp khác	63.176.650.667	52.355.027.352
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	100.962.965.207	87.540.746.138
TỔNG CỘNG	227.936.353.181	184.974.754.525

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 29) (*)	4.458.917.302	4.944.279.412
Phải thu về cho vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 29) (**)	100.865.989.843	118.824.373.586
TỔNG CỘNG	105.324.907.145	123.768.652.998

(*) Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(%/năm)	

Công ty Cổ phần Licogi 16.1

Hợp đồng số 40/HĐ- Licogi16-Kto	4.458.917.302	12 tháng	9	Tín chấp
------------------------------------	---------------	----------	---	----------

(**) Chi tiết các khoản cho vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(%/năm)	

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12

Hợp đồng số 020/HĐ- Licogi16-Kto	100.865.989.843	36 tháng	9,5	Tín chấp
-------------------------------------	-----------------	----------	-----	----------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tạm ứng	123.216.341.765	112.966.309.445
Phải thu chuyển nhượng vốn	32.939.440.000	32.939.440.000
Phải thu lãi vay	7.691.455.474	64.001.588.313
Khác	17.364.992.271	18.222.554.145
TỔNG CỘNG	181.212.229.510	228.129.891.903
Trong đó:		
Bên khác	153.395.552.218	144.003.081.772
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	27.816.677.292	84.126.810.131

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bất động sản dở dang (*)	324.365.524.688	323.771.976.922
Các công trình xây dựng dở dang	30.408.764.777	8.973.276.675
Nguyên vật liệu xây dựng	19.678.118.695	20.498.157.458
Công cụ, dụng cụ	1.805.533.418	880.765.215
Hàng hóa bất động sản	1.082.515.506	1.082.515.506
TỔNG CỘNG	377.340.457.084	355.206.691.776

(*) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha	86.292.358.594	85.824.817.763
Khu dân cư Bảo Lộc 17ha	72.600.030.620	72.597.125.053
Khu dân cư Điền Phước	59.162.758.992	59.076.306.234
Chung cư Nam An	57.347.499.048	57.310.850.438
Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha	34.962.877.434	34.962.877.434
Khu dân cư Phước Thiện 33ha	14.000.000.000	14.000.000.000
TỔNG CỘNG	324.365.524.688	323.771.976.922

Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha, Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha, Khu dân cư Bảo Lộc 17ha và Chung cư Nam An được dùng làm tài sản thế chấp các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1 và 21.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phí tư vấn	8.983.007.391	9.158.242.391
Công cụ, dụng cụ	151.718.581	1.662.671.357
Khác	482.819.201	410.438.597
	<u>9.617.545.173</u>	<u>11.231.352.345</u>
Dài hạn		
Phí bảo lãnh ngân hàng	1.137.692.309	2.362.291.667
Công cụ, dụng cụ	233.500.460	455.764.657
Khác	-	66.013.634
	<u>1.371.192.769</u>	<u>2.884.069.958</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.988.737.942</u>	<u>14.115.422.303</u>

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	685.198.283	351.865.654.277	55.769.040.849	2.016.435.331	410.336.328.740
Mua trong kỳ	-	21.935.490.533	6.462.557.364	-	28.398.047.897
Thanh lý	(685.198.283)	(296.510.082.119)	(6.956.661.822)	-	(304.151.942.224)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	77.291.062.691	55.274.936.391	2.016.435.331	134.582.434.413
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	3.225.464.831	6.061.677.717	549.612.602	9.836.755.150
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(537.826.043)	(304.206.005.994)	(17.531.883.848)	(1.275.331.933)	(323.551.047.818)
Khấu hao trong kỳ	(6.814.540)	(4.075.871.780)	(3.748.577.718)	(113.304.241)	(7.944.568.279)
Thanh lý	544.640.583	290.241.225.048	4.051.235.540	-	294.837.101.171
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	(18.040.652.726)	(17.229.226.026)	(1.388.636.174)	(36.658.514.926)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	147.372.240	47.659.648.283	38.237.157.001	741.103.398	86.785.280.922
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	59.250.409.965	38.045.710.365	627.799.157	97.923.919.487
Trong đó:					
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 21.1 và 21.2)	-	21.668.209.367	11.233.077.016	-	32.901.286.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

12. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	972.000.000	9.665.060.000	10.637.060.000
Thanh lý	(972.000.000)	-	(972.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	9.665.060.000	9.665.060.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	(3.574.748.219)	(3.574.748.219)
Hao mòn trong kỳ	-	(600.765.342)	(600.765.342)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	(4.175.513.561)	(4.175.513.561)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	972.000.000	6.090.311.781	7.062.311.781
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	5.489.546.439	5.489.546.439

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trường Cao đẳng nghề Licogi	72.599.051.281	72.441.646.549
Khác	-	1.452.027.555
TỔNG CỘNG	72.599.051.281	73.893.674.104

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
		VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội	Đầu tư và xây dựng khu dân cư để bán và cho thuê	303.670.287.812	30,00	303.732.585.895	30,00
Công ty Cổ phần BOT 38	Đầu tư và phát triển hạ tầng	72.500.000.000	29,00	72.500.000.000	29,00
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Đầu tư xây dựng khu dân cư	42.726.349.987	40,00	42.726.349.987	40,00
Công ty Cổ phần Licogi 166	Cung cấp dịch vụ xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng	37.519.940.226	46,42	37.362.984.119	46,42
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Thi công lắp đặt các hệ thống điện	27.496.336.418	34,50	13.192.408.318	35,00
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Gia công và chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng	11.708.727.834	46,15	11.707.535.428	46,15
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp	4.955.958.494	30,00	4.951.812.115	30,00
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Tư vấn, thiết kế và giám sát xây dựng	4.175.553.275	36,36	4.398.818.034	36,36
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học bio-ethanol, bio-diesel	-	22,00	-	22,00
TỔNG CỘNG		504.753.154.046		490.572.493.896	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này bao gồm:

VND

Giá trị đầu tư:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	611.964.326.163
Tăng giá trị đầu tư	14.390.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	626.354.326.163

Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(121.391.832.267)
Phần lãi từ công ty liên kết trong kỳ	840.660.150
Cổ tức được chia trong kỳ	(1.050.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	(121.601.172.117)

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	490.572.493.896
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	504.753.154.046

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	25.200.000.000
Thanh lý	(1.000.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	24.200.000.000

Phân bổ lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(18.160.000.000)
Phân bổ trong kỳ	(1.251.666.667)
Thanh lý	641.666.667
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	(18.770.000.000)

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.040.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	5.430.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	164.525.861.580	223.546.348.420
Phải trả người bán khác	139.196.804.766	112.668.624.456
TỔNG CỘNG	303.722.666.346	336.214.972.876

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Người mua trả tiền trước	230.026.002.302	181.826.532.860
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	94.544.227.028	105.000.000.000
- Bệnh viện II Lâm Đồng	40.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn	33.960.400.000	-
- Khác	61.521.375.274	56.826.532.860
Bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 29</i>)	36.494.026.474	61.840.969.014
TỔNG CỘNG	266.520.028.776	243.667.501.874

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế giá trị gia tăng	11.905.591	-	-	11.905.591
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 28.1</i>)	6.028.349.208	-	-	6.028.349.208
Thuế thu nhập cá nhân	1.388.760.905	1.054.769.700	(1.340.841.312)	1.102.689.293
Thuế nhà thầu	732.683.354	-	-	732.683.354
Khác	4.398.556	-	(3.000.000)	1.398.556
TỔNG CỘNG	8.166.097.614	1.054.769.700	(1.343.841.312)	7.877.026.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí dự án các công trình xây dựng	138.320.183.677	98.400.436.462
Tiền hoa hồng	4.495.689.062	4.495.689.062
Lương thưởng tháng 13	1.376.978.129	2.193.098.188
Lãi vay	717.565.031	820.249.039
Khác	-	200.184.003
TỔNG CỘNG	144.910.415.899	106.109.656.754

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phạt thuế	44.256.475.978	47.313.588.730
Nhận tạm ứng	27.226.530.618	27.116.530.618
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	481.909.394	496.734.868
Khác	6.522.831.941	4.643.277.863
	78.487.747.931	79.570.132.079
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	65.443.351	65.443.351
TỔNG CỘNG	78.553.191.282	79.635.575.430
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	68.916.567.594	73.033.951.742
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	9.636.623.688	6.601.623.688

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
				VND
Vay ngắn hạn	347.646.253.083	316.403.051.905	276.625.958.175	387.423.346.813
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	327.892.573.083	299.203.051.905	260.402.278.175	366.693.346.813
Vay từ cá nhân (Thuyết minh số 21.3)	19.753.680.000	7.200.000.000	16.223.680.000	10.730.000.000
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 21.4 và 29)	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Vay dài hạn	92.398.408.104	47.091.277.416	46.514.487.388	92.975.198.132
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	43.887.222.229	37.091.277.416	28.578.166.664	52.400.332.981
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 21.4 và 29)	48.511.185.875	10.000.000.000	17.936.320.724	40.574.865.151
TỔNG CỘNG	440.044.661.187	363.494.329.321	323.140.445.563	480.398.544.945
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	82.511.185.875			52.006.198.484
Vay dài hạn	9.887.222.229			40.968.999.648

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 18-0815/HĐTM/HCM ngày 7 tháng 9 năm 2015 kèm theo phụ lục bổ sung số 18-0815/HĐTM.HCM.01 ngày 7 tháng 4 năm 2016	135.118.343.226	Từ ngày 16 tháng 7 năm 2016 đến ngày 28 tháng 3 năm 2017	Tài trợ vốn lưu động	8,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha (Thuyết minh số 9)
Hợp đồng vay số 06-09.13/HĐTDHM/TPB.HCM ngày 10 tháng 9 năm 2013 kèm theo phụ lục bổ sung	34.834.917.827	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2016 đến ngày 23 tháng 1 năm 2017	Tài trợ vốn lưu động	8,2 – 8,6	Các khoản phải thu liên quan đến công trình Formosa (Thuyết minh số 5)
Hợp đồng vay số 17-04.15/HĐTDHM/TPBANK.HCM ngày 16 tháng 4 năm 2015	1.209.431.300	Ngày 18 tháng 7 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	8,2 – 8,5	Tài sản cố định theo các hợp đồng thế chấp tài sản (Thuyết minh số 11)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn

Hợp đồng vay số 775/2013/HĐ ngày 20 tháng 5 năm 2013 kèm phụ lục bổ sung số 09-775/2013/HĐ ngày 30 tháng 5 năm 2016	144.407.015.113	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2016 đến ngày 30 tháng 12 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	8 – 10,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha, Quyền sử dụng đất tại Phường Lộc Phát, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng thuộc dự án Khu dân cư Bảo Lộc 17ha (Thuyết minh số 9)
---	-----------------	--	----------------------	----------	---

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn					
Hợp đồng vay số 6220-LAV-201500007/HĐTD ngày 16 tháng 12 năm 2014	43.060.172.231	Từ ngày 18 tháng 11 năm 2016 đến ngày 25 tháng 12 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Dự án Chung cư Nam An (Thuyết minh số 9)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân – Chi nhánh Sài Gòn					
Hợp đồng vay số 012/16/HĐMB/101-76 ngày 26 tháng 4 năm 2016	8.063.467.116	Từ ngày 23 tháng 12 năm 2016 đến ngày 29 tháng 12 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	9	Các hợp đồng kinh tế mà công ty Licogi 16 đã ký theo Hợp đồng thế chấp số 012/16/HĐMB/101-76

TỔNG CỘNG

366.693.346.813

21.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn					
Hợp đồng số 402/2016/95893/HĐTD ngày 3 tháng 3 năm 2016	37.091.277.416	60 tháng từ ngày 4 tháng 3 năm 2016	Mua sắm TSCĐ	12	Tài sản cố định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 474/2016/95893/HĐĐĐ (Thuyết minh số 11)

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 03-04.15/HĐTDTH/TPB.HCM ngày 13 tháng 5 năm 2015	7.498.666.668	Từ ngày 14 tháng 8 năm 2016 đến ngày 14 tháng 5 năm 2018	Thanh toán tiền mua 8 chiếc xe Tata Dea Woo	9,3	Tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tại sân số 03-04.15/HĐTC/TPBANK.HCM và 05-07.13/HĐTC/TPB.HCM (Thuyết minh số 11)
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	3.749.333.333				
Hợp đồng số 01/14-11.11/HĐTDHM/TPB.HCM ngày 28 tháng 2 năm 2013	7.425.000.000	Ngày 5 tháng 7 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	9,8	Quyền sử dụng đất của 59 lô đất với diện tích là 144.423 m ² tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha (Thuyết minh số 9)
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	7.425.000.000				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh (tiếp theo)					
Hợp đồng số 07-03.15/HĐTDTH/TPBANK.HCM ngày 20 tháng 3 năm 2015	256.666.665	Từ ngày 20 tháng 9 năm 2016 đến ngày 20 tháng 3 năm 2018	Thanh toán tiền mua xe Ford Ranger	9,3	Tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tài sản số 07-03.15/HĐTC/TPBANK.HCM (Thuyết minh số 11)
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	146.666.667				
Hợp đồng số 26-08.14/HĐTDTH/TPB.HCM ngày 20 tháng 8 năm 2014	128.722.232	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2016 đến ngày 21 tháng 8 năm 2017	Mua xe ô tô	9,6	Tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tài sản số 26-08.13/HĐTC/TPBANK.HCM (Thuyết minh số 11)
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	110.333.333				
TỔNG CỘNG	52.400.332.981				
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả Vay dài hạn	11.431.333.333 40.968.999.648				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Các khoản vay từ cá nhân

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ cá nhân được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Nhân viên của Công ty	10.730.000.000	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2016 đến ngày 23 tháng 7 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Tín chấp
Trong đó: Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	5.500.000.000				

21.4 Các khoản vay từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần điện lực Licogi 16	10.000.000.000	Ngày 20 tháng 9 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	5,5	Tín chấp
Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:					
Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần BOT 38	40.574.865.151	Ngày kết thúc giai đoạn đầu tư dự án	Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A	Không lãi suất	Tín chấp
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	40.574.865.151				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	Tổng cộng
						VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	762.499.560.000	338.288.611.159	(3.390.000)	121.893.327.907	(276.728.703.153)	945.949.405.913
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	28.141.402.463	28.141.402.463
Xóa lỗ lũy kế bằng thặng dư vốn cổ phần	-	(263.389.838.021)	-	-	263.389.838.021	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	762.499.560.000	74.898.773.138	(3.390.000)	121.893.327.907	14.802.537.331	974.090.808.376
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	1.731.302.878	977.118.388.735
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	20.006.057.799	20.006.057.799
Tăng do thay đổi quyền kiểm soát trong công ty con	-	-	-	-	91.666.667	91.666.667
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	21.829.027.344	997.216.113.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	762.499.560.000	762.499.560.000

22.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	76.249.956	76.249.956
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76.249.956	76.249.956
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(338)	(338)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76.249.618	76.249.618

22.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	20.006.057.799	28.141.402.463
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	76.249.618	76.249.618
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	262	369

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Doanh thu dịch vụ xây dựng	311.880.799.604	614.155.510.491
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	17.738.412.114	494.511.366
Doanh thu bán hàng	6.435.747.875	17.455.223.464
TỔNG CỘNG	336.054.959.593	632.105.245.321

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.038.253.971	2.651.018.969
Khác	-	128.443.266
TỔNG CỘNG	5.038.253.971	2.779.462.235

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Giá vốn dịch vụ xây dựng	308.987.172.933	532.343.908.537
Giá vốn hàng bán	6.889.926.466	16.954.940.983
Giá vốn dịch vụ khác	536.790.559	146.144.710
TỔNG CỘNG	316.413.889.958	549.444.994.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Lãi vay	17.228.062.633	18.994.682.794
Khác	1.606.688.401	-
TỔNG CỘNG	18.834.751.034	18.994.682.794

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Chi phí bán hàng	1.488.871.363	9.121.989.570
- Chi phí hoa hồng tư vấn	1.313.636.363	8.197.434.528
- Chi phí khác	175.235.000	924.555.042
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.884.684.990	20.182.560.692
- Chi phí lương	8.325.292.808	8.580.361.099
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.748.173.074	2.678.018.213
- Chi phí lợi thế thương mại	1.251.666.667	1.260.000.000
- Chi phí khấu hao	820.686.249	1.257.839.476
- Chi phí dự phòng	788.223.644	1.878.415.136
- Chi phí khác	3.950.642.548	4.527.926.768
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.500.000.000)	(5.000.000.000)
TỔNG CỘNG	15.873.556.353	24.304.550.262

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Thu nhập khác	31.738.269.272	3.538.435.450
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	28.294.619.563	983.000.523
Phí bảo lãnh	1.727.898.390	1.923.748.044
Khác	1.715.751.319	631.686.883
Chi phí khác	(2.543.887.842)	(5.183.190.323)
Phí bảo lãnh	(1.113.166.343)	(1.275.198.733)
Chi phí khấu hao của tài sản cố định ngưng sử dụng	-	(3.182.373.495)
Khác	(1.430.721.499)	(725.618.095)
GIÁ TRỊ THUẦN	29.194.381.430	(1.644.754.873)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và thu nhập chịu thuế ước tính:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.006.057.799	27.827.089.487
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:		
(Lợi nhuận) lỗ trong công ty liên kết	(840.660.150)	12.668.635.910
Chi phí không được khấu trừ	2.610.090.945	3.310.216.495
Lợi nhuận chưa thực hiện	17.055.886.900	1.320.783.479
Phân bổ lợi thế thương mại	1.251.666.667	1.260.000.000
(Lỗ) lãi thanh lý khoản đầu tư	(550.000.000)	158.866.734
Thay đổi dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	48.841.100	-
Thay đổi dự phòng phải thu khó đòi	(2.711.776.356)	(3.121.584.864)
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	-	(41.536.000)
Thay đổi lãi cho vay dự thu	-	(2.605.227.070)
Chênh lệch chi phí khấu hao	(3.055.986.988)	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	33.814.119.917	40.777.244.171
Lỗ năm trước chuyển sang	(33.814.119.917)	(40.777.244.171)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	6.028.349.208	6.094.088.970
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	6.028.349.208	6.094.088.970

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai:

VND

Các chênh lệch tạm thời

Lỗi chuyển sang các năm sau	73.717.432.407
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	60.111.871.478
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	28.940.654.583
Chênh lệch chi phí khấu hao	6.243.217.875
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.495.689.062
Trợ cấp thôi việc phải trả	2.290.827.250

TỔNG CỘNG

175.799.692.655

Lỗi chuyển sang các năm sau

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 73.717.432.407 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 107.531.552.324 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ
			đến ngày 30 tháng 6 năm 2016		lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016
2013	2018	(83.323.759.546)	56.177.824.766	-	(27.145.934.780)
2015	2020	(46.571.497.627)	-	-	(46.571.497.627)
TỔNG CỘNG		(129.895.257.173)	56.177.824.766	-	(73.717.432.407)

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VND
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Công ty Vay Phí bảo lãnh Cổ tức được nhận Tạm ứng thực hiện dự án	82.090.144.034 10.000.000.000 1.703.500.026 1.050.000.000 -	96.418.354.270 - 1.964.159.407 498.750.000 46.561.000.000	
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng Vay Nhận tạm ứng	65.900.924.729 - -	18.653.496.939 60.889.003.273 55.058.054.718	
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Công ty Bán tài sản Chi phí tài chính Doanh thu cho thuê máy, thiết bị Doanh thu khác Mua nguyên vật liệu	38.573.918.742 4.874.342.072 1.606.688.401 981.770.218 640.028.405 51.103.142	- - - - - -	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Công ty Lãi cho vay Bán nguyên vật liệu	11.110.188.770 202.880.737 -	70.185.843.907 353.013.435 6.458.216.782	

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Doanh thu môi giới bất động sản (*) (*) Phần trăm phí môi giới được hưởng Doanh thu dịch vụ tư vấn giải tỏa đền bù đất Lãi cho vay (**) (**) Lãi suất cho vay	9.500.683.088 8,5% 7.500.000.000 4.707.077.058 14,3% - -	- 5,5% - 3.133.743.452 9,5% 10.600.000.000 3.786.854.059
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	-	2.827.913.924
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Vay	9.500.000.000	4.000.000.000
Ông Trần Minh Ngọc Việt	Giám đốc công ty Siêu Thành	Tạm ứng	2.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>VND</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>					
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	67.434.163.917	44.957.696.420	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	57.117.724.385	50.539.760.978	
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	7.811.480.332	665.725.566	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	5.908.200.704	4.078.310.675	
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cho thuê	1.321.425.440	1.321.425.440	
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	360.000.000	240.000.000	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	-	2.103.430.093	
Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	-	240.000.000	
TỔNG CỘNG			139.952.994.778	104.146.349.172	
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	54.056.482.630	40.634.263.561	
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	35.248.708.602	35.248.708.602	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	7.937.845.052	7.937.845.052	
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	3.719.928.923	3.719.928.923	
TỔNG CỘNG			100.962.965.207	87.540.746.138	

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
VND				
Phải thu về cho vay				
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Cho vay	100.865.989.843	118.824.373.586
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Cho vay	4.458.917.302	4.944.279.412
TỔNG CỘNG			105.324.907.145	123.768.652.998
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Tạm ứng Lãi cho vay	9.590.000.000 3.379.121.146	9.590.000.000 3.277.680.778
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Tạm ứng	10.495.891.968	10.495.891.968
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Lãi cho vay	4.312.334.329	60.723.907.536
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Phi bảo lãnh	39.329.849	39.329.849
TỔNG CỘNG			27.816.677.292	84.126.810.131
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(88.439.330.484)	(103.409.844.702)
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(68.767.137.041)	(102.692.242.906)
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(5.199.211.240)	(7.542.619.465)
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(2.120.182.815)	(2.470.182.815)
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	-	(7.431.458.532)
TỔNG CỘNG			(164.525.861.580)	(223.546.348.420)

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty liên kết	Tạm ứng	(32.698.896.936)	(61.840.969.014)
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Tạm ứng	(3.795.129.538)	-
TỔNG CỘNG			(36.494.026.474)	(61.840.969.014)
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Tạm ứng	(5.130.953.534)	(5.130.953.534)
Ông Trần Minh Ngọc Việt	Giám đốc công ty Siêu Thành	Tạm ứng	(2.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Đặt cọc Tạm ứng	(1.325.174.659) (580.495.495)	(400.174.659) (1.070.495.495)
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Tạm ứng	(600.000.000)	-
TỔNG CỘNG			(9.636.623.688)	(6.601.623.688)
Vay				
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty liên kết	Vay	(40.574.865.151)	(48.511.185.875)
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Vay	(10.000.000.000)	-
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Vay	(5.500.000.000)	-
TỔNG CỘNG			(56.074.865.151)	(48.511.185.875)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và thưởng	2.183.191.863	1.915.180.253

30. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đến 1 năm	1.221.000.000	1.221.000.000
Trên 1 đến 5 năm	2.849.000.000	3.459.500.000
TỔNG CỘNG	4.070.000.000	4.680.500.000

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là phát triển và kinh doanh bất động sản, bao gồm cao ốc văn phòng và căn hộ cho thuê, cung cấp dịch vụ xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Nhóm Công ty như sau:

	Bất động sản	Dịch vụ xây dựng	Hoạt động khác	Loại trừ	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Doanh thu thuần					
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	-	338.798.078.718	35.507.948.715	(38.251.067.840)	336.054.959.593
Tổng doanh thu thuần	-	338.798.078.718	35.507.948.715	(38.251.067.840)	336.054.959.593
Kết quả hoạt động kinh doanh					
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	-	5.835.533.846	27.723.371.317	(13.917.835.528)	19.641.069.635
<i>Chi phí không phân bổ</i>					(15.873.556.353)
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>					5.038.253.971
<i>Chi phí tài chính</i>					(18.834.751.034)
<i>Lợi nhuận khác</i>					29.194.381.430
<i>Phần lãi từ công ty liên kết</i>					840.660.150
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>					20.006.057.799
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>					-
<i>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</i>					-
Lợi nhuận thuần sau thuế					20.006.057.799
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Tài sản và công nợ					
<i>Tài sản bộ phận</i>	355.768.163.757	853.033.711.255	72.599.051.281	-	1.281.400.926.293
<i>Tài sản không phân bổ</i>					1.088.528.637.643
Tổng tài sản					2.369.929.563.936
<i>Công nợ bộ phận</i>	3.545.453	924.532.392.675	4.495.689.062	-	929.031.627.190
<i>Công nợ không phân bổ</i>					434.773.115.695
Tổng công nợ					1.363.804.742.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Nhóm Công ty như sau:

	Bất động sản	Dịch vụ xây dựng	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
					VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015					
Doanh thu thuần					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	-	646.560.878.879	24.608.241.568	(39.063.875.126)	632.105.245.321
Tổng doanh thu thuần	-	646.560.878.879	24.608.241.568	(39.063.875.126)	632.105.245.321
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp của bộ phận	-	82.709.547.506	1.271.487.064	(1.320.783.479)	82.660.251.091
Chi phí không phân bổ					(24.304.550.262)
Doanh thu hoạt động tài chính					2.779.462.235
Chi phí tài chính					(18.994.682.794)
Lỗ khác					(1.644.754.873)
Phản lỗ từ công ty liên kết					(12.668.635.910)
Lợi nhuận thuần trước thuế					27.827.089.487
Chi phí thuế TNDN hiện hành					-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					406.821.336
Lợi nhuận thuần sau thuế					28.233.910.823
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	364.509.748.168	755.527.084.210	73.893.674.104	-	1.193.930.506.482
Tài sản không phân bổ					1.068.575.286.358
Tổng tài sản					2.262.505.792.840
Công nợ bộ phận	11.527.865.391	871.072.856.747	-	-	882.600.722.138
Công nợ không phân bổ					398.877.974.117
Tổng công nợ					1.281.478.696.255

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 15/HĐQT ngày 11 tháng 8 năm 2016, Nhóm Công ty sẽ tham gia góp 30% vốn điều lệ, tương đương 15.000.000.000 VND để thành lập Công ty TNHH Khu Đô Thị Phước Thiện ("Phước Thiện"). Cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Phước Thiện đang trong quá trình đăng ký Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Văn Việt
Người lập



Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng



Bùi Dương Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016